

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Số: **3028** /QĐ-TCHQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Tổng cục Hải quan ban hành kèm theo Quyết định số 2081/QĐ-TCHQ ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 29 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 991/QĐ-BTC ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy định các nội dung, mức chi trong lĩnh vực khoa học và công nghệ đối với các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 389/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Khoa học Tổng cục Hải quan và Viện trưởng Viện nghiên cứu Hải quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Tổng cục Hải quan ban hành kèm theo Quyết định số 2081/QĐ-TCHQ ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 2 như sau:

“1. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ* là những vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết, được tổ chức thực hiện dưới hình thức đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan.”.

2. Sửa đổi Điều 3 như sau:

“Điều 3. Mã số của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan

Mã số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan được ghi như sau: TCHQ/AA/YYYY-XX, trong đó:

- TCHQ là ký hiệu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan.

- AA là ký hiệu hình thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ gồm: Đề tài (ĐT) hoặc Dự án (DA).

- YYYY là ký hiệu năm giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- XX là ký hiệu số thứ tự trong Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Tổng cục của Tổng cục Hải quan theo năm.”.

3. Sửa đổi khoản 2 Điều 11 như sau:

“2. Mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan do một cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm, có các thành viên tham gia nghiên cứu. Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ phức tạp, cần có sự tham gia phối hợp từ 02 (hai) tổ chức trở lên thì có thể có thêm một thành viên đăng ký làm đồng chủ nhiệm. Tổng số thành viên tham gia nghiên cứu không quá 10 (mười) người, kể cả chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ.”.

4. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 14 như sau:

“1. Việc đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan được thực hiện thông qua Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định thành lập trên cơ sở đề xuất của Viện Nghiên cứu Hải quan.

a) Hội đồng có từ 05 đến 07 thành viên gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch, 01 thư ký khoa học và các thành viên khác. Thư ký khoa học của Hội đồng là cán bộ của Viện Nghiên cứu Hải quan. Thành phần Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ là thành viên của Hội đồng khoa học Tổng cục Hải quan gồm các nhà khoa học, có trình độ chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan.”.

5. Bổ sung Điều 16a trước Điều 16 (tại Chương III. Tuyển chọn và phương thức giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan) như sau:

“Điều 16a. Thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan

1. Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định thành lập trên cơ sở đề xuất của Viện Nghiên cứu Hải quan. Tổ thẩm định gồm 03 (ba) thành viên:

a) Tổ trưởng Tổ thẩm định là Lãnh đạo Viện Nghiên cứu Hải quan.

b) Tổ phó Tổ thẩm định là Lãnh đạo Cục Tài vụ - Quản trị.

c) Một thành viên Tổ thẩm định là ủy viên Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan.

Viện Nghiên cứu Hải quan cử 01 chuyên viên làm thư ký hành chính để chuẩn bị tài liệu, giúp việc cho Tổ thẩm định.

2. Tổ thẩm định kinh phí có nhiệm vụ thẩm định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Tổng cục phù hợp với kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn và giao trực tiếp; phù hợp với các chế độ định mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước hiện hành; xác định tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; phương thức khoán chi; xác định dự toán khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, dự toán khoán chi từng phần (Mẫu 28.PTĐKP).

3. Tổ thẩm định kinh phí chỉ họp khi có đủ 3/3 thành viên. Tổ thẩm định kinh phí làm việc theo nguyên tắc đồng thuận, chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả thẩm định của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Tổ thẩm định (Mẫu 29.BBTĐKP).

4. Trong trường hợp có thành viên Tổ thẩm định không nhất trí với kết luận chung của Tổ thẩm định và đề nghị bảo lưu ý kiến, Tổ trưởng Tổ thẩm định có trách nhiệm báo cáo Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hải quan để báo cáo Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết

phát sinh trong quá trình thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan để Tổng cục trưởng xem xét, quyết định.”.

6. Sửa đổi khoản 2 Điều 16 như sau:

“2. Viện Nghiên cứu Hải quan tổng hợp kết quả tuyển chọn, kết quả thẩm định kinh phí, trình Tổng cục trưởng ký quyết định giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ gồm: tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, thời gian thực hiện, kinh phí thực hiện. Quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan là căn cứ pháp lý cho việc cấp kinh phí và triển khai thực hiện nhiệm vụ.”.

7. Sửa đổi, bổ sung biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định này:

a) Sửa đổi Mẫu 26.QĐCNKQ tại Quyết định 2081/QĐ-TCHQ.

b) Bổ sung Mẫu 28.PTĐKP và Mẫu 29.BBTĐKP.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thường trực Hội đồng khoa học Tổng cục Hải quan, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hải quan, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Tổng cục Hải quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Tổng cục (để b/c);
- Lưu: VT, NCHQ (10b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Văn Căn

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-TCHQ

Hà Nội, ngày tháng năm 201...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả thực hiện
nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định 2081/QĐ-TCHQ ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Tổng cục Hải quan;

Căn cứ kết quả nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan, ngàytháng ...năm....;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hải quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan “.....”, mã số: TCHQ/ĐT/202....-....

Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Nguyễn Văn A

Tổ chức chủ trì: Cục Hải quan tỉnh B

Các thành viên: 1. ThS. Trần Thị C - Cục Hải quan tỉnh B

2. ThS. Lê Văn D - Cục Hải quan tỉnh C

3. -

Điều 2. Nhiệm vụ được thực hiện việc quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đã được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành. Việc công bố và sử dụng kết quả đã tạo ra của nhiệm vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hải quan, Chủ nhiệm nhiệm vụ, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT,....

TỔNG CỤC TRƯỞNG

(Chữ ký)

**TỔNG CỤC HẢI QUAN
TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ**

Mẫu 28.PTĐKP
..../QĐ-TCHQ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

PHIẾU THẨM ĐỊNH KINH PHÍ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỔNG CỤC HẢI QUAN NĂM.....

1. Tên đề tài/dự án:

.....
.....Mã số.....

Thuộc: - Chương trình: ☐

- Độc lập: ☐

- Khác: ☐

2. Tổ chức chủ trì:

3. Chủ nhiệm đề tài/dự án:

4. Họ tên người thẩm định

Học hàm, học vị:.....

Chuyên môn đào tạo:.....

Cơ quan công tác:.....

5. Ngày nhận hồ sơ thẩm định: Ngày.... tháng..... năm.....

A. Nội dung chuyên môn

I. Nhận xét, đánh giá chung mức độ hoàn thiện của Thuyết minh theo kết luận của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp:

Nhận xét, đánh giá chung (về thông tin chung; mục tiêu, nội dung KH&CN, phương án tổ chức thực hiện; sản phẩm KH&CN, thời gian và tổng kinh phí thực hiện...)

1. Đủ điều kiện thẩm định:

2. Không đủ điều kiện để thẩm định (nêu rõ lý do):

II. Nhận xét nội dung nghiên cứu:

1. Nội dung nghiên cứu chính (đề xuất cụ thể):

- Những nội dung không phù hợp, cần loại bỏ - lý do:

Handwritten signature

- Những nội dung cần bổ sung (đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do):

2. Nội dung khảo sát, thí nghiệm, thử nghiệm (có cần thiết hay không, có bám sát phục vụ nội dung nghiên cứu hay không; số lượng, quy mô, đối tượng và địa điểm phù hợp hay không phù hợp)

- Những nội dung không phù hợp, cần loại bỏ - lý do:

- Những nội dung cần bổ sung (đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do):

3. Phương án hợp tác quốc tế:

4. Phương án thuê chuyên gia trong nước, ngoài nước:

5. Phương án trang bị tài sản để thực hiện và xử lý tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ:

6. Hội thảo khoa học:

7. Tiến độ và thời gian thực hiện: (Sự phù hợp về tiến độ của từng nội dung nghiên cứu: bắt đầu, kết thúc) thời gian thực hiện..... tháng

8. Sản phẩm KH&CN chính: (đề nghị ghi cụ thể): Các báo cáo chuyên đề chuyên môn, Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt và báo cáo kiến nghị

B. Nhận xét chi tiết về dự toán kinh phí: (Nêu ý kiến nhận xét những mục nào trong dự toán chưa phù hợp, nên hiệu chỉnh như thế nào là hợp lý và sơ bộ dự kiến kinh phí)

1. Công lao động:....., trong đó:

- NSNN:.....; Ngoài NSNN:.....

2. Thuê chuyên gia:....., trong đó:

- NSNN:.....; Ngoài NSNN:.....

3. Nguyên vật liệu và năng lượng:....., trong đó.....

- NSNN:.....; Ngoài NSNN:.....

4. Thiết bị, máy móc:....., trong đó.....

- NSNN:.....; Ngoài NSNN:.....

5. Xây dựng, sửa chữa nhỏ:....., trong đó.....

- NSNN:.....; Ngoài NSNN:.....

6. Chi khác:....., trong đó.....

- NSNN:.....; Ngoài NSNN:.....

C. Kiến nghị

1. Dự kiến tổng kinh phí cần thiết:.....triệu đồng, trong đó:

a) Ngân sách nhà nước:.....triệu đồng;

b) Ngoài ngân sách nhà nước:triệu đồng;

2. Phương thức thực hiện:

2.1. ☐ Khoán đến sản phẩm cuối cùng (trong đó kinh phí thuê chuyên gia:.....)

2.2. ☐ Khoán từng phần, trong đó:

- Kinh phí ngân sách nhà nước khoán:.....triệu đồng;

- Kinh phí ngân sách nhà nước không khoán:.....triệu đồng.

....., ngày.....tháng.....năm

Thành viên Tổ thẩm định

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

**TỔNG CỤC HẢI QUAN
TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ**

Mẫu 29.BBTĐKP
..../QĐ-TCHQ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

**BIÊN BẢN HỌP THẨM ĐỊNH KINH PHÍ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỔNG CỤC HẢI QUAN NĂM.....**

Trên cơ sở hồ sơ thuyết minh nhiệm vụ KH&CN và hồ sơ đánh giá của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN.

Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ KH&CN tiến hành thẩm định và lập biên bản thẩm định với những nội dung sau:

A. Thông tin chung

1. Tên đề tài/dự án:

.....
.....Mã số.....

Thuộc: - Chương trình: ☐

- Độc lập: ☐

- Khác: ☐

2. Tổ chức chủ trì:

3. Chủ nhiệm đề tài/dự án:

4. Địa điểm và thời gian họp Tổ thẩm định

- Địa điểm.....

- Thời gian.....giờ, ngày.....tháng.....năm.....

5. Đại biểu tham dự:

.....
.....
.....

B. Kết luận của Tổ thẩm định

1. Về dự toán kinh phí:

.....
.....



.....
2. Về tổng kinh phí cần thiết:.....triệu đồng

Trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước:.....triệu đồng;
- Kinh phí từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước:.....triệu đồng.

3. Dự kiến kinh phí theo các khoản chi

Số TT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Ngân sách nhà nước		Kinh phí ngoài ngân sách nhà nước	Ghi chú
			Kinh phí	Kinh phí khoán chi theo quy định		
1	Trả công lao động trực tiếp					
2	Kinh phí thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài					
3	Nguyên vật liệu, năng lượng					
4	Thiết bị, máy móc					
5	Xây dựng, sửa chữa nhỏ					
6	Chi khác: <i>Trong đó: Chi đoàn ra</i>					
	Tổng cộng					

C. Kiến nghị

1. Phương thức thực hiện:

☒ Khoán đến sản phẩm cuối cùng (trong đó kinh phí thuê chuyên gia:.....)

☐ Khoán từng phần, trong đó:

- Kinh phí ngân sách nhà nước khoán:.....triệu đồng;

(trong đó kinh phí thuê chuyên gia:.....)

- Kinh phí ngân sách nhà nước không khoán:.....triệu đồng.



2. Các kiến nghị khác (nếu có):

.....

.....

.....

Biên bản được lập xong lúc giờ, ngày.....tháng.....năm.....và đã được Tổ thẩm định nhất trí thông qua.

Tổ trưởng

Tổ phó

Thành viên

Vũ Đức